

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **34/2025/DS-ST**

Ngày 19 - 9 - 2025

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Đình Nam

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lý Viết Chân, bà Trịnh Thị Oanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Hòa Bình – Là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Quỳnh Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 121/2025/TLST-DS, ngày 15 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2025, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn A, xã E (xã E, huyện K cũ), tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà H M Niê, sinh năm 1993; Địa chỉ: Buôn M'bê, xã E (xã K, huyện K cũ), tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị Thanh H1, sinh năm 1990 và ông Đỗ Văn B, sinh năm 1986; cùng địa chỉ: Tổ dân phố D, xã E (thị trấn E, huyện E cũ), tỉnh Đắk Lắk (Bà H1 có mặt, ông B vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:* Do có mối quan hệ quen biết nên bà H đã cho bà H M Niê vay tiền 2 lần:

- Lần 1: Ngày 13/12/2024 bà H M Niê vay 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) để trả nợ cho bà Trần Thị Thanh H1 và nhờ bà H chuyển khoản cho bà H1 nên bà H đã chuyển khoản số tiền trên cho bà Trần Thị Thanh H1, khi vay bà H M có làm tin cho bà H 01 chiếc xe máy biển số: 47H1-252.XX (có nội dung thông tin chuyển khoản: CO HA CK NHU CAM XE 47H1 – 252.XX. CK TRA QUA CHO HUYEN có nghĩa là *Cô H chuyển khoản H M Niê (tên ở nhà là N1), cầm xe 47H1 – 252.XX. Chuyển khoản qua cho H1*)), hẹn 01 tháng trả đủ gốc, lãi. Tuy nhiên, thực tế không thỏa thuận lãi.

- Lần 2: Ngày 20/12/2024, bà H M Niê có tới nhà bà H vay số tiền 54.000.000 đồng (Năm mươi bốn triệu đồng), hẹn ngày 20/01/2025 trả gốc và lãi, khi vay bà H M Niê có đưa tôi căn cước công dân của H M Niê, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng (1.080.000 đồng/tháng). Vào ngày 23/02/2025 bà H M Niê có chuyển khoản cho bà H số tiền lãi của khoản vay này là 2.900.000 đồng.

Hiện nay các khoản vay đã quá hạn, nhưng bà H M hẹn bà H hết lần này đến lần khác và không thanh toán như đã cam kết.

Theo đơn khởi kiện, bà H yêu cầu bà H M Niê trả cho bà H số tiền gốc tổng 2 lần là 74.000.000 đồng (Bảy mươi bốn triệu đồng) và số tiền lãi quá hạn theo quy định của pháp luật.

Nay bà H xin thay đổi nội dung khởi kiện như sau:

Đối với khoản tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) do khi vay các bên không thỏa thuận lãi suất nên bà H yêu cầu bà H M Niê trả cho bà H số tiền gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 15/4/2025 cho đến ngày xét xử sơ thẩm và tiền lãi trong giai đoạn thi hành án.

Đối với khoản tiền vay 54.000.000 đồng: Do các bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng là cao so với quy định của pháp luật nên bà H yêu cầu bà H M Niê trả tiền gốc và tiền lãi với mức lãi suất 20%/năm kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm và tiền lãi trong giai đoạn thi hành án, khấu trừ đi số tiền lãi 2.900.000 đồng mà H M Niê đã trả.

Đối với tài sản mà bà H M Niê cầm cố gồm: 01 Căn cước công dân của bà H M Niê và 01 chiếc xe máy biển số 47H1-252.XX thì ý kiến của bà H như sau: Khi nào bà H M Niê trả tiền xong cho bà H thì bà H sẽ trả lại các tài sản trên.

Về Kết luận giám định số 101/KL-KTHS ngày 31/7/2025 của Phòng K - Công an tỉnh Đ thì nguyên đơn hoàn toàn đồng ý.

*Bị đơn bà H M Niê, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn mặc dù đã được Cơ quan thừa phát lại tổng đạt trực tiếp các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng bà H M Niê vắng mặt không có lý do.*

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Trần Thị Thanh H1 trình bày: Bà H1 là con gái của bà Trần Thị H. Do mối quan hệ quen biết nên ngày 27/2/2024 bà H1 có cho bà H M Niê vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Sau khi vay bà H M Niê có trả dần nợ cho bà H1 được số tiền 148.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu đồng), còn nợ 52.000.000 đồng (Năm mươi hai triệu đồng). Bà H1 đã làm đơn khởi kiện bà H M Niê và được Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk xét xử theo bản án số 05/2025/DS-ST ngày 23/7/2025.

Quá trình bà H M Niê trả nợ cho bà H1 thì trong đó có khoản bà H M Niê trả 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) bà H1 nhận chuyển khoản từ bà Trần Thị H vào ngày 13/12/2024 (nội dung chuyển khoản: CO HA CK NHU CAM XE 47H1 – 252.XX. CK TRA QUA CHO HUYEN có nghĩa là *Cô H chuyển khoản H M Niê (tên ở nhà là N1), cầm xe 47H1 – 252.XX. Chuyển khoản qua cho H1*). Trong quá trình làm việc bà H M Niê cũng thừa nhận có trả nợ cho bà H1 số tiền

20.000.000 đồng vào ngày 13/12/2024.

Như vậy, bà H1 xác nhận, ngày 13/12/2023 bà H M Niê có trả nợ cho bà H1 số tiền 20.000.000 đồng thông qua việc nhờ bà H chuyển khoản cho bà H1. Việc bà Trần Thị H khởi kiện bà H M Niê thì bà H1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ *Quá trình giải quyết ông Đỗ Văn B trình bày:* Ông B là chủ Cửa hàng dịch vụ cào đồ B 52. Ngày 17/8/2024 ông B có mua của ông Trịnh Ngọc H3, sinh năm 1996 trú tại Thôn T, xã Q, huyện C 01 xe mô tô biển số 47H1 – 252.XX, nhãn hiệu Yamaha, màu xám bạc đen với số tiền 27.000.000 đồng. Sau khi mua, do ông B đi làm ăn xa nên các bên chưa làm thủ tục sang tên. Ngày 31/8/2024 ông Bình B1 lại chiếc xe máy nêu trên với số tiền 36.000.000 đồng, bà H M trả trước 21.000.000 đồng, còn nợ lại 15.000.000 đồng hẹn đến ngày 04/9/2024 thì trả. Do bà H M còn nợ tiền nên ông B giao xe mô tô 47H1 – 252.XX cho bà H M quản lý, sử dụng còn Giấy chứng nhận đăng ký xe thì ông B đang giữ. Việc bà Trần Thị H cho bà H M Niê vay tiền và bà H M Niê có làm tin chiếc xe mô tô trên cho bà H thì ông B hoàn toàn không biết, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã thực hiện tương đối tốt quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Thẩm phán còn để vi phạm quy định của khoản 2 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký và nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1, khoản 4, khoản 5 Điều 466, Điều 468, khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự 2015, đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị H. Buộc bà H M Niê có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị H số tiền nợ gốc là 72.990.000 đồng, nợ lãi là 10%/năm kể từ ngày 15/4/2025 đối với khoản tiền 20.000.000 đồng cho đến ngày xét xử sơ thẩm và tiền lãi trong giai đoạn thi hành án; 20%/năm kể từ ngày 24/02/2025 đối với khoản tiền 52.990.000 đồng cho đến ngày xét xử sơ thẩm và tiền lãi trong giai đoạn thi hành án. Bà Trần Thị H có nghĩa vụ trả lại cho bà H M Niê 01 xe máy biển số 47H1-252.XX, nhãn hiệu Yamaha và 01 Căn cước công dân số 066193020892 mang tên H M Niê.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có nơi cư trú tại xã E (xã K, huyện K cũ), tỉnh Đắk Lắk và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk giải quyết. Căn cứ

khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk.

Bị đơn bà H M Niê vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà H M Niê trả số tiền gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 15/4/2025 cho đến ngày xét xử sơ thẩm và tiền lãi trong giai đoạn thi hành án, thì thấy: Nguyên đơn bà H cho rằng ngày 13/12/2024 bà H M Niê có vay của bà H số tiền 20.000.000 đồng, mục đích vay để trả nợ thay cho bà Trần Thị Thanh H1, sau đó cùng ngày bà H đã chuyển khoản cho bà H1 số tiền 20.000.000 đồng, khi vay bà H M có làm tin 01 chiếc xe máy biển số: 47H1-252.XX (có nội dung thông tin chuyển khoản: CO HA CK NHU CAM XE 47H1 – 252.XX. CK TRA QUA CHO HUYEN có nghĩa là *(Cô H chuyển khoản H M Niê (tên ở nhà là N1), cầm xe 47H1 – 252.XX. Chuyển khoản qua cho H1)*). Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù bà H M biết được việc bà H khởi kiện nhưng cố tình vắng mặt không hợp tác làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến. Tuy nhiên, Tại bản án số 05/2025/DS-ST ngày 23/7/2025 của TAND khu vực 4 – Đắk Lắk thì bà H M Niê cũng thừa nhận, ngày 13/12/2024 bà có trả cho bà H1 20.000.000 đồng, bà H1 cũng thừa nhận việc ngày 13/02/2024 bà H M có trả cho bà H1 số tiền trên thông qua việc bà H chuyển khoản cho bà H1. Mặt khác, ông Đỗ Văn B là người bán xe mô tô 47H1 – 252.XX cũng xác nhận đã bán và giao xe cho bà H M. Hiện nay, bà H xác nhận hiện đang quản lý xe mô tô 47H1 – 252.XX mà bà H M đưa để làm tin. Từ những phân tích nêu trên, HĐXX xét thấy, có đủ cơ sở xác định ngày 13/02/2024 bà H M Niê có vay của bà Trần Thị H số tiền 20.000.000 đồng, do đó yêu cầu khởi kiện của bà H về việc buộc bà H M Niê phải trả cho bà H 20.000.000 đồng nợ gốc là có căn cứ, cần chấp nhận.

Về lãi suất: Căn cứ vào giao dịch chuyển khoản, lời trình bày của bà H xác định khi vay số tiền trên các bên không thỏa thuận lãi suất. Quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa bà H yêu cầu tính tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 15/4/2025 (ngày Tòa án thụ lý vụ kiện) cho đến ngày xét xử sơ thẩm và tiền lãi trong giai đoạn thi hành án là phù hợp, cần chấp nhận. Như vậy, số tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 15/4/2025 đến ngày 19/9/2025 (ngày xét xử sơ thẩm) là 154 ngày. Tiền lãi được tính như sau:  $(20.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm})/12\text{tháng}/30\text{ngày} \times 154 \text{ ngày} = 855.555 \text{ đồng}$ . Như vậy, tổng tiền gốc lãi bà H M Niê phải trả là 20.855.555 đồng, trong đó tiền gốc: 20.000.000 đồng, tiền lãi là 855.555 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà H M Niê phải trả 54.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi với mức lãi suất 20%/năm kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm và tiền lãi trong giai đoạn thi hành án, khấu trừ đi số tiền lãi 2.900.000 đồng mà H M Niê đã trả, thì thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, do bị đơn bà H M Niê luôn lẩn tránh, không hợp tác làm việc với Tòa án, không có văn bản trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, để có căn cứ xem xét và theo đề nghị của nguyên đơn, Tòa án ra Quyết định trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của bà H M Niê trong giấy mượn tiền mặt ngày 20/12/2024. Tại bản kết luận giám định số 101/KL-KTHS ngày 31/7/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đắk Lắk kết luận chữ ký mang tên “H M Niê” trong giấy mượn tiền mặt ngày 20/12/2024 chưa đủ cơ sở kết luận có phải do cùng một người viết ra hay không. Chữ viết mang tên “H M Niê” trong giấy mượn tiền mặt ngày 20/12/2024 là do bà H M Niê viết ra.

Theo nội dung giấy mượn tiền mặt ngày 20/12/2024 thể hiện bà H M Niê có vay của bà H số tiền 54.000.000 đồng, hạn đến ngày 21/01/2025 sẽ trả, lãi suất 2%/tháng. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn thừa nhận ngày 23/02/2025 bà H M Niê có chuyển khoản cho nguyên đơn số tiền lãi của khoản vay này là 2.900.000 đồng. Như vậy, có cơ sở xác định ngày 20/12/2024 bà H M Niê vay bà H số tiền 54.000.000 đồng, sau khi vay ngày 23/02/2025 bà H M Niê mới trả được 2.900.000 đồng tiền lãi, ngoài ra chưa trả thêm được khoản tiền nào là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Bà H khởi kiện yêu cầu bà H M Niê trả nợ là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 465 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

Tuy nhiên, do các bên thỏa thuận mức lãi suất 2%/tháng là cao so với quy định. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 20%/năm kể từ ngày vay khấu trừ đi số tiền lãi bà H M Niê đã trả là phù hợp, HĐXX cần tính toán lại cho đúng, cụ thể:

Ngày 20/12/2024 đến ngày 23/02/2025 là 63 ngày, tiền lãi được tính như sau:  $(54.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm)/12\text{tháng}/30\text{ngày} \times 63 \text{ ngày} = 1.890.000 \text{ đồng}$ . Tuy nhiên, ngày 23/02/2025 bà H M Niê trả 2.900.000 đồng tiền lãi là vượt quá mức tiền lãi theo quy định nên số tiền vượt quá  $(2.900.000 \text{ đồng} - 1.890.000 \text{ đồng}) = 1.010.000 \text{ đồng}$  sẽ được khấu trừ vào tiền gốc.

Như vậy, số tiền gốc còn lại là  $54.000.000 \text{ đồng} - 1.010.000 \text{ đồng} = 52.990.000 \text{ đồng}$ . Vì vậy, cần buộc bị đơn bà H M Niê phải trả cho bà Trần Thị H 52.990.000 đồng nợ gốc.

Về tiền lãi: Kể từ ngày 24/02/2025 đến ngày ngày 19/9/2025 (ngày xét xử sơ thẩm) là 205 ngày, tiền lãi được tính như sau:  $(52.990.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm)/12\text{tháng}/30\text{ngày} \times 205 \text{ ngày} = 6.034.972 \text{ đồng}$ .

Vì vậy, tổng tiền gốc, lãi bà H M Niê phải trả là 59.024.972 đồng, trong đó tiền gốc: 52.990.000 đồng, tiền lãi là 6.034.972 đồng.

[2.3] Từ những phân tích ở mục [2.1] và [2.2], HĐXX xét thấy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H. Buộc bà H M Niê phải trả cho bà H  $(20.000.000 \text{ đồng} + 52.990.000 \text{ đồng}) = 72.990.000 \text{ đồng}$  nợ gốc và  $(855.555 \text{ đồng} + 6.034.972 \text{ đồng}) = 6.890.527 \text{ đồng}$  tiền lãi, tổng cộng là 79.880.527 đồng.

[3] Về tài sản cầm cố: Bà H' Meo Niê đã giao cho bà Trần Thị H để làm tin khi vay tiền: 01 xe máy biển số 47H1-252.XX, nhãn hiệu Yamaha, màu xám bạc đen số máy: 1S92003563; số khung S9206Y003563 mang tên ông Trịnh Ngọc H3,

ngày 17/8/2024 ông H3 bán xe mô tô trên cho ông Đỗ Văn B, ngày 31/8/2024 ông Bình bán lại chiếc xe mô tô trên cho bà H M, các bên đều xác nhận đã giao xe nhưng chưa sang tên, đổi chủ và 01 Căn cước công dân số 066193020892 do Cục CSQLHC về trật tự xã hội cấp 11/7/2022 mang tên H M Niê, việc cầm cố các tài sản trên là không đúng theo quy định của pháp luật nên cần buộc bà Trần Thị H trả lại cho bà H M Niê.

[4] Về chi phí giám định: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà H M Niê phải chịu 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) chi phí giám định chữ ký, chữ viết. Do nguyên đơn bà H đã nộp tạm ứng nên cần buộc bà H M Niê phải trả số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) cho bà Trần Thị H.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà H M Niê phải chịu  $79.880.527 \text{ đồng} \times 5\% = 3.994.026 \text{ đồng}$  (làm tròn 3.994.000 đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Do bị đơn bà H M Niê là người đồng bào dân tộc thiểu số (Ê đê) ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí. Do đó, Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà H M Niê.

[6] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H.

1.1 Buộc bà H M Niê có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị H số tiền 79.880.527 đồng (Bảy mươi chín triệu, tám trăm tám mươi nghìn, năm trăm hai mươi bảy đồng), trong đó nợ gốc là 72.990.000 đồng (Bảy mươi hai triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng), nợ lãi là 6.890.527 đồng (Sáu triệu, tám trăm chín mươi nghìn, năm trăm hai mươi bảy đồng).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

1.2. Bà Trần Thị H có nghĩa vụ trả lại cho bà H M Niê 01 xe máy biển số 47H1-252.XX, nhãn hiệu Yamaha, màu xám bạc đen số máy 1S92003563; số

khung S9206Y003563 và 01 Căn cước công dân số 066193020892 do Cục C về trật tự xã hội cấp 11/7/2022 mang tên H M Niê.

2. Về chi phí giám định: Buộc bà H M Niê phải trả số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) chi phí giám định chữ ký, chữ viết cho bà Trần Thị H.

3. Về án phí:

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà H M Niê.

Trả cho bà Trần Thị H 1.850.000 đồng (Một triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003155 ngày 14/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Đắk Lắk).

4. Thông báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 4 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Vũ Đình Nam**